

Số: 4967/KH-UBND

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 12 năm 2016

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020;
- Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020;
- Chương trình hành động số 322-CTr/TU ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Kế hoạch số 1334/KH-UBND ngày ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;

- Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Môi trường pháp lý

- Chỉ thị số 21/2012/CT-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn;

- Chỉ thị số 19/2013/CT-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Chỉ thị số 29/2013/CT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chống thư rác;

- Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Bưu chính, Viễn Thông, Công nghệ thông tin và Điện tử tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2006 - 2015, định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn Thông, Công nghệ thông tin và Điện tử tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

- Quyết định số 71/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế về tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế thi công dự án "Nâng cấp hệ thống tích hợp tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông";

- Kế hoạch số 3848/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Ninh Thuận năm 2013 và giai đoạn 2013-2015;

- Kế hoạch số 5129/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2014;

- Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo mật thông tin bí mật Nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát hành văn bản qua phần mềm "Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc";

- Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát hành văn bản qua phần mềm "Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc" từ các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hạ tầng kỹ thuật

Hiện nay 100% các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cấp xã đã có mạng nội bộ (LAN); 18 Sở, ban, ngành và 07 huyện, thành phố đã kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước với tốc độ từ 2Mbps đến 4 Mbps phục vụ truy cập internet và các phần mềm dùng chung tại các cơ quan, đơn vị. Tuyến cáp quang kết nối internet đã kết nối 100% đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên toàn tỉnh.

Hệ thống cơ sở hạ tầng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được trang bị 2 đường truyền internet trực tiếp tốc độ cao (150Mbps trong nước, 4Mbps đi quốc tế) để phục vụ truy cập nhanh chóng các ứng dụng dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước trong toàn tỉnh. Tính đến nay, hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu đã được trang bị 16 máy chủ, 03 thiết bị lưu trữ dữ liệu lớn, 02 thiết bị tường lửa, 02 thiết bị phòng chống thư rác, 01 thiết bị phòng chống tấn công web, phòng chống virus cùng với hệ thống giám sát và nhiều thiết bị mạng khác. Hệ thống mạng, máy chủ và thiết bị lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu đang được đầu tư theo hướng tập trung, cơ bản đủ cung cấp tất cả dịch vụ cho các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, và đảm bảo vấn đề bảo mật, an toàn an ninh thông tin cho toàn bộ hệ thống.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan Nhà nước

a) Phần mềm Văn phòng điện tử (TD.Office)

Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đã triển khai phần mềm TDOffice đến tất cả các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh. 100% các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện đã sử dụng ổn định và hiệu quả phần mềm TDOffice.

Việc kết nối liên thông giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Chính phủ đã được thực hiện gửi nhận văn bản qua phần mềm chính thức từ ngày 27 tháng 4 năm 2016; kết nối liên thông giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các

Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã được thực hiện gửi nhận thông suốt.

b) Hệ thống Một cửa hiện đại

Hiện nay, toàn tỉnh có 04 cơ quan triển khai thực hiện Hệ thống một cửa hiện đại hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức đến liên hệ thực hiện thủ tục hành chính, gồm có: Văn phòng Phát triển Kinh tế (EDO), Ủy ban nhân dân Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước. Trong năm 2016, số lượng hồ sơ đã tiếp nhận và xử lý qua hệ thống là 14.390 hồ sơ (trong đó Ủy ban nhân dân Thành phố: 11.310, EDO: 550, Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam: 285, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước: 2.145)

Việc triển khai các hệ thống Một cửa hiện đại giúp cho các cá nhân, tổ chức đến cơ quan quản lý nhà nước liên hệ thực hiện thủ tục hành chính được thuận lợi hơn, dễ dàng tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ; giúp cơ quan quản lý nhà nước điều hành hoạt động một cách khoa học, tăng cường tính công khai, minh bạch, hạn chế những hành vi nhũng nhiễu của cán bộ thực hiện thủ tục hành chính.

c) Phần mềm Văn bản chỉ đạo điều hành

Phần mềm Văn bản chỉ đạo điều hành đã chính thức hoạt động từ tháng 4 năm 2016 theo Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời ban hành Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2014 về việc ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Thời gian qua, phần mềm đã hỗ trợ tốt cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai chỉ đạo kịp thời các nhiệm vụ giao cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giúp theo dõi tiến độ xử lý công việc, tránh tình trạng bỏ sót và thực hiện chậm trễ các công việc đã giao.

d) Hệ thống thư điện tử công vụ

Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đã cấp các hộp thư điện tử cho tất cả các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức Đảng, đoàn thể và các cán bộ công chức, viên chức của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, mỗi Ủy ban nhân dân cấp xã cấp một hộp thư. Trong đó, số cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện được cấp thư điện tử chiếm tỷ lệ 100%. Các cơ quan, đơn vị đều đã sử dụng hộp thư điện tử công vụ để trao đổi công việc, gửi nhận văn bản, tài liệu.

Hiện nay, hệ thống đã cấp trên 3.700 hộp thư. Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong phối hợp xử lý công việc đạt trên 85%. Toàn bộ giấy mời họp, tài liệu họp và lịch công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh đều được gửi thông qua hệ thống thư điện tử công vụ. Các cơ quan, đơn vị, cán bộ công chức, viên chức ngày càng tăng cường việc trao đổi, gửi nhận qua thư điện tử các loại văn bản dự thảo, báo cáo, góp ý dự thảo, giấy mời...

e) Cổng/Trang thông tin điện tử

Đến nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã tích hợp 18 Trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, 07 Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và 21 Trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng, Đoàn thể tạo môi trường giao tiếp, công khai minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp. Thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh mỗi năm đăng khoảng 900 tin bài, 6.500 văn bản chỉ đạo điều hành và khoảng 40 số công báo. Ngoài ra, trên Cổng còn đăng tải tất cả thủ tục hành chính của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và nhiều thông tin khác. Mỗi năm, mỗi Sở, ngành, huyện, thành phố đăng tải khoảng 300 tin bài.

g) Phần mềm dịch vụ công trực tuyến

Đến nay, toàn tỉnh có 101 thủ tục thuộc dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 27 thủ tục tại Sở Tài nguyên và Môi trường, 4 thủ tục tại Sở Thông tin và Truyền thông, 6 thủ tục tại Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, 15 thủ tục tại Sở Khoa học và Công nghệ; 5 thủ tục tại Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; 6 thủ tục tại Sở Y tế; 6 thủ tục tại Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam; 6 thủ tục tại Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải; 06 thủ tục tại Sở Công thương và 01 thủ tục về quản lý khách lưu trú tại Công an tỉnh. Đến nay, số lượng hồ sơ giải quyết qua mạng thông qua các phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của các cơ quan hành chính đạt trên 7.950 hồ sơ. Công an tỉnh cấp tài khoản truy cập cho 77/127 cơ sở kinh doanh thực hiện khai báo lưu trú qua mạng. Sở Nội vụ vừa triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và một cửa điện tử trong tháng 10 năm 2016.

h) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Hiện nay toàn tỉnh có nhiều phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm phục vụ quản lý theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Cụ thể gồm:

- Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
- Phần mềm Báo cáo thống kê - tổng hợp thông tin quản lý ngành nông nghiệp;
- Phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện tại Bệnh viện tỉnh;
- Phần mềm Quản lý các dự án đầu tư tại EDO;
- Phần mềm Kinh tế - Xã hội tại Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Phần mềm Quản lý địa chính thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Bác Ái, huyện Ninh Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phần mềm GIS quản lý dữ liệu ngầm đô thị trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;
- Phần mềm Quản lý Ngân sách và Kho bạc;
- Phần mềm Quản lý Ngành thuế;
- Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Giao thông;

- Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Y tế;
- Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường;
- Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Xây dựng;
- Phần mềm Hệ thống thông tin ngành Lao động thương binh xã hội;
- Phần mềm Hệ thống thông tin về các đề tài khoa học.

(Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước tại Phụ lục I)

4. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu về số lượng và chất lượng, vai trò nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin cấp Sở, Ban, ngành, cấp huyện chưa rõ ràng, cán bộ tin học cấp xã chưa có, gây khó khăn trong việc thực hiện một số kế hoạch, dự án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin.

(Hiện trạng nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước tại Phụ lục II)

5. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh

Để đảm bảo các biện pháp quản lý vận hành, quản lý kỹ thuật và quy trình đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 71/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2012 về việc ban hành Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời triển khai các giải pháp bảo đảm chống virus, mã độc hại; bố trí cán bộ chuyên trách quản lý về an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

6. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin chính trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015

Tổng kinh phí triển khai các dự án công nghệ thông tin chính trong cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011-2015: 12.170.743.734 đồng *(Mười hai tỷ, một trăm bảy mươi triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm ba mươi bốn đồng)*

(Chi tiết các dự án ứng dụng công nghệ thông tin chính trong các cơ quan Nhà nước tại Phụ lục III)

7. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được

Thời gian qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Đã xây dựng mạng diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh với sự tham gia của nhiều Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; nhờ đó, đã giúp cho lãnh đạo và các cơ quan quản lý truy cập, khai thác, trao đổi thông tin nhanh chóng và kịp thời. Đội ngũ cán bộ, công chức được bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo và nâng cao kiến thức tin học. Chương trình công nghệ thông tin của tỉnh đã góp phần cải tiến,

nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành tại các Sở, ban, ngành trọng điểm. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh phát triển tương đối tốt, các mạng cục bộ đã được xây dựng ở một số Sở, ngành, tạo điều kiện thuận lợi bước đầu đáp ứng các yêu cầu về phát triển công nghệ thông tin của tỉnh. An toàn an ninh thông tin đảm bảo cho Cổng (Portal) hệ thống trang tin điện tử của các đơn vị, hệ thống thư điện tử của tỉnh, các ứng dụng dùng chung, hệ thống mạng diện rộng của tỉnh hoạt động ổn định, an toàn, an ninh bảo mật thông tin chống sự tấn công từ bên ngoài, thiết lập hệ thống sao lưu dữ liệu theo cơ chế tự động... Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Dịch vụ công mức độ 3 bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực; thực sự góp phần nâng cao năng suất, chất lượng công việc, từng bước tạo sự đổi mới về phương thức, phong cách, lề lối làm việc ở cơ quan quản lý hành chính nhà nước và tăng cường tính minh bạch thông tin trong các cơ quan nhà nước.

b) Những khó khăn, hạn chế

Các dự án công nghệ thông tin đã triển khai ở các Sở, ban, ngành trọng điểm, nhưng việc xây dựng phần mềm ứng dụng chưa được chú trọng ngang mức với trang thiết bị phần cứng, dẫn đến các phần mềm phục vụ quản lý chuyên môn nghiệp vụ còn ít triển khai. Tuy nhiên, đầu tư mới tập trung ở các cơ quan quản lý cấp tỉnh, chưa triển khai đồng bộ đến các cấp quản lý để phát huy hiệu quả.

Chương trình công nghệ thông tin của tỉnh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực phục vụ quản lý trong các cơ quan nhà nước trọng điểm. Phạm vi ứng dụng công nghệ thông tin còn hẹp, việc khai thác trao đổi thông tin trên mạng chưa phổ biến, ngay cả ở các cơ quan nhà nước.

Kinh phí sự nghiệp công nghệ thông tin hàng năm không đáp ứng nhu cầu để triển khai các dự án công nghệ thông tin ngày càng nhiều và đa dạng. Chưa có cơ chế, chủ trương huy động các nguồn vốn khác (vốn chương trình mục tiêu và sự nghiệp các ngành khác) để thực thi các mục tiêu đặt ra trong kế hoạch hàng năm và 5 năm đã ban hành.

Hạ tầng mạng và thiết bị công nghệ thông tin trong cơ quan quản lý nhà nước cấp Sở và huyện đã trang bị từ lâu, không đáp ứng về cấu hình và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, an ninh.

Các Sở, ngành và địa phương chưa quan tâm đúng mức trong chỉ đạo cập nhật thông tin, bổ sung thêm các chuyên mục lên Trang thông tin điện tử thành phần theo quy định, tạo ra kênh giao tiếp trực tuyến giữa các cơ quan quản lý nhà nước với người dân và doanh nghiệp, tăng cường tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động hành chính công.

Chưa xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và tổng hợp phục vụ nhu cầu tra cứu, trao đổi, tạo môi trường điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp vẫn còn hạn chế; Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 chưa đạt được yêu cầu như kế hoạch đề ra.

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu về số lượng và chất lượng, vai trò nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin cấp Sở, huyện chưa

rõ ràng, cán bộ công nghệ thông tin tại xã, phường chưa có, gây khó khăn trong việc thực hiện đề án một cửa điện tử liên thông.

c) Nguyên nhân

Nhận thức về vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý điều hành cơ quan đơn vị và động lực phát triển kinh tế xã hội của cán bộ công chức và người dân còn chưa đầy đủ, đặc biệt vai trò của người đứng đầu cơ quan đơn vị.

Nhân lực công nghệ thông tin yếu và thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, thiếu cán bộ thẩm định, quản lý dự án công nghệ thông tin, trình độ người sử dụng thấp.

Các dự án công nghệ thông tin triển khai chưa đồng bộ giữa phần cứng và phần mềm. Nguồn dữ liệu điện tử còn rất hạn chế, các phần mềm dùng chung chưa có, ngoại trừ cơ sở dữ liệu (CSDL) các văn bản pháp quy của Chính phủ và của tỉnh.

Hạ tầng viễn thông phát triển mạnh trong thời gian qua nhưng chất lượng chưa đảm bảo gây khó khăn cho việc sử dụng và cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung.

Chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút, đãi ngộ đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin đầu ngành có khả năng tổ chức và thực hiện những chương trình nghiên cứu mang tính tổng hợp và đột phá cao.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập khu vực và quốc tế, đảm bảo an ninh quốc phòng. Phát triển công nghệ thông tin theo cơ cấu, quy mô hợp lý, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời theo kịp khả năng và trình độ phát triển công nghệ thông tin trong nước.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT) tại các cơ quan nhà nước được hiện đại hóa và hoàn thiện về số lượng, chất lượng, tốc độ, băng thông và độ tin cậy, đáp ứng các yêu cầu cho công việc triển khai và vận hành chính quyền điện tử ở các cấp cũng như thực hiện cung cấp các dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp với chất lượng và hiệu quả cao.

Phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo môi trường chia sẻ thông tin qua mạng giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh trên cơ sở Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

Thực hiện thành công các mục tiêu hàng năm nêu trong Nghị quyết của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ứng dụng công nghệ thông tin

- Hoàn thành xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ, liên thông các hệ thống thông tin cấp tỉnh (LGSP) để kết nối các hệ thống dịch vụ của các Bộ, ngành, địa phương đã sẵn sàng;

- 80% các văn bản, tài liệu trao đổi giữa các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến cấp huyện được gửi/nhận dưới dạng điện tử, có tệp điện tử gắn kèm và xác thực chữ ký số; đến năm 2020 đạt 100% việc trao đổi tài liệu trên mạng;

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật để 90% các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền các cấp, mục lục hồ sơ kho lưu trữ của chính quyền các cấp được quản lý trên môi trường mạng với phạm vi toàn tỉnh;

- Đảm bảo 100% các cơ quan hành chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng phần mềm văn phòng điện tử (TDOffice). Triển khai một cửa điện tử cho 60% các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và 40% cho các Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Tập trung triển khai nhanh các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 được ưu tiên cung cấp theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và tích hợp lên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Triển khai dịch vụ công mức độ 3 lên 80% và dịch vụ công mức độ 4 lên 14%;

- Xây dựng hoàn thành Đề án Khung chính quyền điện tử cấp tỉnh;

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc nền tảng Chính phủ điện tử.

b) Hạ tầng công nghệ thông tin

- Bảo đảm các điều kiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh tham dự 100% các cuộc họp của Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên môi trường mạng;

- Hoàn thiện hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đảm bảo tích hợp, lưu trữ dữ liệu của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hình thành kho dữ liệu dùng chung, bảo đảm tính bảo mật, an toàn thông tin và kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia;

- 60% các thiết bị hạ tầng mạng máy tính được bổ sung, thay thế; số còn lại được nâng cấp nhằm đáp ứng các yêu cầu khai thác sử dụng các phần mềm ứng dụng, đặc biệt là các phần mềm dùng chung (phần mềm TDOffice, phần mềm chỉ đạo điều hành, thư điện tử...);

- 60% cơ quan cấp tỉnh sử dụng thường xuyên hệ thống chứng thực chữ ký số;

- 100% Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang điện tử thành phần được giám sát an toàn thông tin mạng;

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng.

12/9

c) Nhân lực công nghệ thông tin

- Đa số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước được đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng về công nghệ thông tin. Tỉnh có cán bộ lãnh đạo quản lý thông tin, được bổ túc, đào tạo các chương trình quản lý công nghệ thông tin với trình độ tương đương trong khu vực;

- 100% cán bộ công chức chuyên môn biết sử dụng công nghệ thông tin trong nghiệp vụ; 100% các cơ quan đơn vị có cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về công nghệ thông tin; các cơ quan đơn vị xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu dùng chung đều có bộ phận chuyên trách, có lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO) để duy trì các ứng dụng dùng chung của tỉnh;

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin được đào tạo nâng cao trình độ về công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đáp ứng được yêu cầu thực tế.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Nâng cấp mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hiện đại, an toàn, bảo mật, đảm bảo triển khai hiệu quả các hệ thống dùng chung, các ứng dụng của tỉnh;

- Triển khai nâng cấp, mở rộng mạng diện rộng (WAN) của cơ quan nhà nước trên cơ sở mạng TSLCD, đảm bảo tất cả các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã liên kết, chia sẻ thông tin với nhau;

- Nâng cấp, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh phục vụ cho việc xây dựng chính quyền điện tử;

- Xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến từ tỉnh đến Trung ương, từ tỉnh đến các huyện, thành phố và từng bước triển khai mở rộng đến cấp xã.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

- Tập trung triển khai phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong hoạt động các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Thực hiện chỉ đạo điều hành công việc trên hệ thống phần mềm tiến đến không sử dụng văn bản giấy trong hệ thống cơ quan Nhà nước;

- Xây dựng và triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan nhà nước trong tỉnh phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghiên cứu xếp hạng các đơn vị, người dân đối với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp, duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh;

- Tiếp tục triển khai, mở rộng phần mềm một cửa hiện đại, một cửa điện tử liên thông ở các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Tiếp tục xây dựng và triển khai cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức 3,4 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Thực hiện triển khai Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo mật thông tin bí mật Nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin giai đoạn 2016-2020;

- Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh;

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin chống virus, mã độc hại cho máy tính cá nhân; triển khai giải pháp lưu nhật ký đối với các hệ thống thông tin quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thông tin;

- Triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan Nhà nước đảm bảo an toàn thông tin bí mật Nhà nước;

- Tổ chức ứng cứu sự cố máy tính theo Thông tư số 27/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố mạng Internet Việt Nam;

- Tổ chức triển khai đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn an ninh thông tin của tỉnh.

5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin

- Đào tạo chuyên sâu công nghệ thông tin cho cán bộ công chức chuyên trách công nghệ thông tin các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Đào tạo kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ công chức theo Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Nâng cao năng lực quản lý công nghệ thông tin cho cán bộ lãnh đạo các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp tài chính

Để đảm bảo nhu cầu vốn cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, cần huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Huy động các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn FDI, hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân thông qua xã hội hoá để thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

a) Vốn từ ngân sách

- Hằng năm, tỉnh dành kinh phí thoả đáng để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước và đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc từ Trung ương đến các địa phương; các Chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình, dự án khác.

b) Huy động vốn đầu tư nước ngoài: Xây dựng cơ chế thông thoáng, một cửa, giải quyết thủ tục thật nhanh chóng, để thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào các Khu công nghiệp của tỉnh; xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh phù hợp với từng lĩnh vực ngành nghề với mức ưu đãi cao nhất trong khung pháp lý chung của nhà nước, đồng thời thể hiện một số ưu đãi riêng của tỉnh; chú trọng các hình thức đầu tư mới, gắn quyền lợi với trách nhiệm của nhà đầu tư.

c) Tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ các doanh nghiệp: Thuê dịch vụ truyền số liệu, thuê thiết bị đầu cuối (máy tính, laptop, scan, máy in,...), thuê thiết bị hạ tầng (firewall, switch, router), dịch vụ truyền hình hội nghị, các dịch vụ hành chính công, các lớp đào tạo tập huấn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin,...

d) Huy động vốn trong dân và các doanh nghiệp

- Khuyến khích các doanh nghiệp tự đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm;

- Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp của các cơ quan nhà nước chuyển giao, cho thuê các dịch vụ công nghệ thông tin;

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin để huy động vốn từ xã hội đầu tư vào công nghệ thông tin;

- Ưu tiên cho các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh tham gia các dự án công nghệ thông tin của tỉnh để các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư nâng cao trình độ, công nghệ;

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư nước ngoài về lĩnh vực công nghệ thông tin vào các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp triển khai

Để hiện thực hiện các mục tiêu xây dựng phát triển công nghệ thông tin từ giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030, tỉnh Ninh Thuận xác định tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

a) Đổi mới, nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo đối với việc ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) và Chương trình hành động của Ban Thường vụ tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nhân, người lao động và toàn xã hội về vị trí, vai trò của công nghệ thông tin, về mục

tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững; gắn với đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin – truyền thông của Đảng và Nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Hàng năm tổ chức các hội thảo chuyên đề về chính phủ điện tử, thương mại điện tử, tình hình và các xu thế phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam và thế giới. Tổ chức hội thảo hoặc diễn đàn trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh;

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về công nghệ thông tin trong xã hội, bảo đảm công nghệ thông tin là một trong các nội dung trọng tâm, thường xuyên trong các chương trình truyền thông của các cơ quan thông tin đại chúng các cấp. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công nghệ thông tin;

- Có 100% cán bộ công chức cơ quan nhà nước được tuyên truyền, phổ biến về kỹ năng để khi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Trên 50% người sử dụng nói chung, trên 60% học sinh, sinh viên được tuyên truyền về thói quen, kỹ năng đơn giản để bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ mạng xã hội, dịch vụ mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ thanh toán điện tử, các dịch vụ trực tuyến khác;

- Trên 70% người lao động của các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và trên 80% người lao động trong các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin được tuyên truyền, phổ biến về nguy cơ, quy trình điều phối ứng cứu, xử lý sự cố mất an toàn thông tin, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong an toàn thông tin;

- Hàng năm tổ chức một đợt cho cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, các ngành, đoàn thể tham quan khảo sát một số địa phương trong nước và nước ngoài để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm về việc ứng dụng và quản lý công nghệ thông tin;

- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung quan trọng, bắt buộc phải có trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu năm 2015 và giai đoạn 2016-2020, cũng như trong các đề án, dự án đầu tư của tỉnh;

- Xây dựng một số chương trình truyền hình và phát thanh của tỉnh, chuyên mục trên Báo Ninh Thuận để tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức và kiến thức công nghệ thông tin - truyền thông cho nhân dân.

b) Xây dựng hạ tầng thông tin đồng bộ, hiện đại

- Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu:

Trung tâm tích hợp dữ liệu là nơi tập trung, tích hợp an toàn các kho dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin và các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông toàn tỉnh. Đây là hạng mục thiết yếu làm nền

tầng để triển khai hệ thống Chính quyền điện tử tập trung.

Trong lộ trình triển khai Chính quyền điện tử từ năm 2016-2020 bắt buộc phải xây dựng hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu vào 2016. Trong thời gian đầu, khi Trung tâm tích hợp dữ liệu chưa hoàn thành, tạm thời sử dụng Trung tâm dữ liệu hiện có đang đặt tại 17 Nguyễn Trãi, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận và sử dụng giải pháp công nghệ điện toán đám mây để thiết lập hạ tầng phục vụ triển khai các ứng dụng hành chính công. Sau khi hoàn thành, tất cả các hệ thống sẽ được tập trung về Trung tâm tích hợp dữ liệu mới.

Trung tâm tích hợp dữ liệu mới của tỉnh được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu sau:

- + Nằm trong khu vực giao thông thuận lợi, gần với các cơ quan chính quyền cũng như các nhà cung cấp dịch vụ (điện lực, viễn thông...);
- + Vị trí phù hợp với việc phòng tránh các thảm họa thiên nhiên (động đất, lũ lụt...) và cách xa các địa điểm như sân bay;
- + Vị trí đáp ứng các yêu cầu về an ninh, an toàn;
- + Cấu trúc tòa nhà nơi đặt trung tâm dữ liệu đáp ứng các yêu cầu về phòng chống các thảm họa thiên nhiên (động đất, lũ lụt...) và phòng chống cháy nổ;
- + Có vị trí đậu xe thuận tiện;
- + Có mặt bằng phù hợp tại tầng 1 để đặt hệ thống máy phát, bồn chứa nhiên liệu, điều hòa...;
- + Trung tâm dữ liệu được đặt từ tầng 2 trở lên (tránh ngập lụt);
- + Sàn đáp ứng khả năng chịu tải;
- + Có hệ thống thang máy, thang bộ đáp ứng yêu cầu về tải trọng, kích thước để vận chuyển thiết bị;
- + Chiều cao đáp ứng việc lắp đặt sàn giả, trần giả và hệ thống thiết bị (khuyến nghị từ 3,2m-3,5m trở lên);
- + Diện tích mặt bằng Trung tâm dữ liệu tối thiểu 300m² để bố trí các phòng (Phòng máy chủ & thiết bị mạng; Phòng UPS; Phòng NOC; Phòng cài đặt; Phòng kho; Hành lang);
- + Có nguồn cung cấp điện ổn định, kết nối viễn thông đến các nhà cung cấp dịch vụ.

Để đáp ứng yêu cầu tiến độ, khuyến nghị đặt Trung tâm tích hợp dữ liệu trong tòa nhà đã xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn nêu trên (bởi việc xây dựng một tòa nhà mới cho Trung tâm tích hợp dữ liệu sẽ mất nhiều thời gian và kinh phí).

- Hoàn thiện mạng-diện rộng, mạng cục bộ

+ Mạng diện rộng (WAN): Hoàn thiện mạng diện rộng kết nối Ủy ban nhân dân tỉnh với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh bằng đường truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo cho các đơn vị khai thác các ứng dụng và các dịch vụ dùng chung được cài đặt tại Trung tâm dữ liệu

tỉnh. Đối với cấp xã dùng giải pháp VPN/Internet để kết nối vào hệ thống Chính quyền điện tử;

+ Để thực hiện nhiệm vụ này, tỉnh sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông và đơn vị vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước để có phương án, kế hoạch triển khai và dự toán kinh phí thuê đường truyền phù hợp;

+ Xây dựng mạng LAN cho các đơn vị chưa có và nâng cấp cho các đơn vị có mạng LAN nhưng thiết bị quá cũ kỹ, lạc hậu, không còn đáp ứng nhu cầu công việc;

- Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị

+ Trang bị hệ thống máy chủ, lưu trữ và sao lưu phục vụ triển khai các ứng dụng của hệ thống Chính quyền điện tử;

+ Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước, bao gồm: Thiết bị (máy tính, máy in...) và các giải pháp an toàn, an ninh thông tin;

- Hoàn thiện kênh giao tiếp nội bộ

+ Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình (video conference) ở các điểm quan trọng để đảm bảo âm thanh, hình ảnh có chất lượng cao (chuẩn full HD);

+ Trong năm 2016, xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình từ tỉnh đến 7 huyện, thành phố. Sau đó, mở rộng hệ thống đến các phường, xã trong toàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo; đảm bảo hệ thống sử dụng công nghệ HD.

c) Trang bị hệ thống phần mềm nền: Trang bị khối các phần mềm lớp giữa (middleware) làm nền tảng phát triển các ứng dụng theo kiến trúc hướng dịch vụ (Service Oriented Architecture), thuận lợi trong việc tích hợp và tái sử dụng các ứng dụng đang vận hành và dễ dàng liên thông kết nối với các hệ thống do các Bộ, ngành, trung ương triển khai.

- Mở rộng các kênh giao tiếp với người dân và doanh nghiệp

Phát triển các kênh thông tin (channel) bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng thông tin (portal); trung tâm hỗ trợ (contact center); điện thoại cố định; điện thoại di động; hệ thống gửi/nhận tin nhắn.

+ Cổng thông tin (portal): Hoàn thiện và bổ sung tính năng của Cổng, thông tin điện tử hiện có. Trang bị thêm 2 cổng con:

• Cổng công chức (Officer sub portal): Là giao diện để cán bộ công chức truy cập vào hệ thống Chính quyền điện tử để sử dụng các ứng dụng tác nghiệp;

• Cổng công dân và doanh nghiệp (citizen sub portal): Là giao diện để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến ra Internet để Công dân và Doanh nghiệp khai thác sử dụng;

+ Trung tâm hỗ trợ (contact center): Được xây dựng trên nền công nghệ IP, tích hợp tất cả các phần mềm quản lý liên quan, mang vai trò trợ giúp việc chăm

sóc, giải đáp thắc mắc cho doanh nghiệp, công dân. Nó là sự kết hợp một cách hệ thống các phương thức tương tác, từ gọi điện thoại, tin nhắn SMS, MMS, e-mail, website cho đến đối thoại trực tiếp, thư bưu chính...

Trung tâm hỗ trợ dự kiến sử dụng chung một số hạ tầng với Trung tâm dữ liệu. Quy mô ban đầu (năm 2014) cần khoảng 15 bàn hỗ trợ làm việc 2 ca/ngày và 7 ngày/tuần. Có thể sử dụng nguồn nhân lực của Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông để vận hành. Giai đoạn tiếp sau khi khối lượng giao dịch tăng lên có thể mở rộng số bàn hỗ trợ và thời gian phục vụ. Khi đó cần thiết bổ sung thêm lực lượng vận hành cho trung tâm hỗ trợ.

+ Hệ thống gửi/nhận tin nhắn (SMS gateway): Là cổng kết nối tới các nhà khai thác mạng viễn thông di động trong nước cho phép công dân và doanh nghiệp gửi tin nhắn đến hệ thống Chính quyền điện tử để tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ, đặt lịch hẹn...

- Đảm bảo an toàn, an ninh.

Xây dựng hệ thống an ninh bảo mật nhằm đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin, bảo mật cho hệ thống chính quyền điện tử, bao gồm các nhiệm vụ:

+ Xây dựng các giải pháp kỹ thuật về an toàn bảo mật:

- Mạng: Trang bị các thiết bị tường lửa (firewall), các thiết bị chống & phát hiện truy cập trái phép (IPS), các giải pháp bảo mật thư điện tử, mã hóa đường truyền;

- Phần mềm (bao gồm phần mềm ứng dụng, phần mềm nền, cơ sở dữ liệu, hệ điều hành): Xây dựng giải pháp phân quyền người sử dụng, xác thực khi đăng nhập, quản lý người dùng tập trung;

- Chống mã độc, virus: Trang bị các chương trình diệt virus, diệt phần mềm spyware, malware trên các máy trạm, máy chủ;

- Xây dựng các giải pháp sao lưu, phục hồi nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu;

+ Bồi dưỡng, nâng cao trình độ về an toàn bảo mật cho các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, phụ trách quản trị hệ thống bảo mật. Tổ chức các khóa bồi dưỡng, đào tạo nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ an toàn an ninh bảo mật cho các cán bộ chuyên trách, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trang bị đầy đủ các kiến thức bảo mật cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức khi sử dụng chính quyền điện tử;

+ Ban hành các chính sách về an toàn bảo mật trong sử dụng chính quyền điện tử bao gồm:

- Chính sách về tổ chức, quản lý tài khoản sử dụng (user account);
- Chính sách quản lý đăng nhập hệ thống;
- Chính sách quản lý hệ thống mạng không dây;
- Chính sách quản lý dữ liệu;
- Quy trình thực hiện khi phát hiện hệ thống bị tấn công;

- Chính sách về cập nhật phiên bản mới, cập nhật bản vá lỗi của phần mềm;
- d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

Nâng cấp hệ thống một cửa điện tử tại Văn phòng phát triển kinh tế và Ủy ban nhân dân thành phố tích hợp với Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng thông tin của tỉnh, công khai minh bạch tình trạng xử lý hồ sơ hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Tất cả các Sở, ban, ngành, huyện thành phố tham gia hệ thống một cửa điện tử của tỉnh.

Phát triển và hoàn thiện hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh và đảm bảo các cuộc họp giao ban giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với 7 huyện, thành phố được thực hiện trực tuyến.

Hoàn thiện hệ thống thư điện tử của tỉnh, tăng cường đẩy mạnh công tác sử dụng thư điện tử tỉnh tại các cơ quan nhà nước đảm an toàn, an ninh thông tin để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách có hiệu quả trong nội bộ từng cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước với nhau. Đến năm 2020, 100% cán bộ công chức tại các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố, phường, xã, thị trấn sử dụng thư điện tử của tỉnh giao dịch nội bộ cơ quan và bên ngoài trên hệ thống thư điện tử của tỉnh.

Hoàn thiện phần mềm phục vụ chỉ đạo điều hành như hệ thống quản lý và hồ sơ công việc (TDoffice), chỉ đạo điều hành, lịch công tác,.. tại tất cả các cơ quan nhà nước theo hướng hiệu quả hơn, có khả năng tích hợp và mở rộng trên nền tảng đám mây. Cụ thể, triển khai liên thông kết nối phần mềm Quản lý hồ sơ công việc (TDoffice) và chỉ đạo điều hành cho tất cả các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố, phường, xã, thị trấn và triển khai liên thông kết nối với Văn phòng chính phủ, các tỉnh trên cả nước, đảm bảo các văn bản trao đổi dưới dạng điện tử, toàn bộ văn bản sẽ được trao đổi hoàn toàn qua mạng không còn sử dụng văn bản giấy (trừ văn bản mật).

Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng triển khai của tỉnh; trong giai đoạn 2016-2020, Ninh Thuận sẽ đầu tư xây dựng các ứng dụng nghiệp vụ; thông qua đó sẽ hình thành một số cơ sở dữ liệu tương ứng. Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu được chia thành 3 nhóm:

Nhóm ưu tiên 1: Là các phần mềm có tính cấp thiết cao, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai sớm trong năm 2016, gồm:

- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý hành chính cấp tỉnh;
- Xây dựng Hệ thống thông tin theo dõi việc thực hiện các chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và liên thông hệ thống thông tin quản lý, điều hành công việc, trao đổi văn bản điện tử qua mạng trong quy trình công việc tại các Sở, ban, ngành.

Nhóm ưu tiên 2: Là các phần mềm không quá cấp thiết như nhóm 1, được triển khai trong 2017-2018, gồm:

- Số hóa tài liệu và quản lý khai thác tài nguyên số của tỉnh từ năm 1992 đến nay;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu một cửa điện tử;

- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý hành chính cấp huyện;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu Quản lý cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược;
- Hệ thống ứng dụng phục vụ các kỳ họp Hội đồng nhân dân và Quốc hội;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý Nông thôn mới;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý cấp phép các hoạt động du lịch;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý Khiếu nại tố cáo;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý cấp phép các hoạt động truyền thông;
- Hệ thống ISO điện tử;

Nhóm ưu tiên 3: Là các phần mềm còn lại trong danh sách sẽ triển khai từ năm 2019 đến 2020, gồm:

- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý học sinh;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý hoạt động công chứng;
- Xây dựng Hệ thống thông tin tổng hợp quản lý hoạt động của các Khu công nghiệp tỉnh;
- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý hành chính cấp xã.

e) Tạo điều kiện thuận lợi phát triển công nghệ thông tin, kinh tế tri thức

Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và dịch vụ công nghệ thông tin năm 2016 đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Triển khai hiệu quả phần mềm dịch vụ công ở các đơn vị và nhân rộng các các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện thành phố.

Xây dựng trung tâm công nghệ thông tin tập trung của tỉnh; tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia phát triển thị trường công nghệ thông tin vào địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển thị trường trong tỉnh, đa dạng hóa thị trường ngoài tỉnh, khai thác hiệu quả các thị trường tiềm năng.

Tập trung đầu tư và phát triển các phần mềm ứng dụng và dịch vụ trên nền các hệ điều hành phổ biến và tích hợp vào cơ sở dữ liệu của tỉnh và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Triển khai có hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; ưu tiên sử dụng mua sắm thiết bị công nghệ thông tin trong nước sản xuất, bảo đảm tiêu chuẩn theo hướng hiện đại, thay thế thiết bị nhập ngoại.

Triển khai hiệu quả các chương trình dự án công nghệ thông tin của tỉnh đồng thời tranh thủ lồng ghép các dự án có nguồn vốn của Trung ương để đáp ứng hoàn thành kế hoạch đề ra. Ngoài ra thực hiện xã hội hóa trong ứng dụng công nghệ thông tin cho một số lĩnh vực (hỗ trợ đào tạo, cung ứng dịch vụ....)

g) Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ thông tin

Phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp cả về số lượng và đảm bảo đáp ứng các chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin quốc gia. Ưu tiên tập trung đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức và nghiệp vụ cho cán bộ công chức chuyên trách về công nghệ thông tin của Sở, ban, ngành, huyện thành phố.

Tập trung xây dựng chương trình, hợp tác trong và ngoài nước cho đào tạo nhân lực an toàn thông tin, an ninh mạng đáp ứng tình hình cấp bách về đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin nhất là nguồn nhân lực phục vụ quốc phòng an ninh.

- Hình thành đội ngũ cán bộ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin cho trung tâm tích hợp dữ liệu

Để triển khai thành công Chính quyền điện tử, nguồn nhân lực để quản lý, vận hành các hệ thống thông tin là rất quan trọng. Vì vậy, phải hình thành ngay đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại tất cả các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phải có một chuyên trách về công nghệ thông tin.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức về chiến lược, tầm nhìn; kỹ năng quản lý công nghệ thông tin, Chính quyền điện tử cho các lãnh đạo công nghệ thông tin các đơn vị cấp Sở, ngành, huyện, thành phố. Nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo các cấp về vai trò, vị trí quan trọng của Chính quyền điện tử.

Tổ chức đào tạo các kiến thức, kỹ năng để quản trị, điều hành các hệ thống thông tin (hạ tầng, ứng dụng, an ninh, an toàn thông tin...) cho các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các đơn vị cấp sở, ngành, huyện, Trung tâm tích hợp dữ liệu.

Đảm bảo 90% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, hướng dẫn những kỹ năng tin học cơ bản và nâng cao đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên máy tính, trên mạng, sử dụng, khai thác hiệu quả Chính quyền điện tử.

Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin của các sở, ngành, địa phương tham quan, khảo sát một số địa phương trong nước và nước ngoài để trao đổi, học tập kinh nghiệm về việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai hệ thống Chính quyền điện tử.

- Đào tạo công dân điện tử

Đưa chuyên đề Chính quyền điện tử vào chương trình để phổ cập các kiến thức cơ bản về Chính quyền điện tử cho học sinh, sinh viên các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và dạy nghề trên địa bàn tỉnh, với định hướng đào tạo một lớp công dân có kiến thức về công nghệ thông tin, sẵn sàng sử dụng hệ thống Chính quyền điện tử.

- Truyền thông

Quảng bá, truyền thông sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp về việc triển khai Chính quyền điện tử của tỉnh. Đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được truyền thông về Chính quyền điện tử và có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử.

Các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh thường xuyên cung cấp tin tức, phóng sự ... về Chính quyền điện tử nhằm quảng bá, truyền thông đến người dân và doanh nghiệp.

Tổ chức giao kết, hợp tác với một số cơ quan, đơn vị truyền thông trong và ngoài nước để quảng bá, truyền thông về xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận.

Đưa nội dung về Chính quyền điện tử vào chương trình ngoại khóa về công nghệ thông tin trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

h) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, nâng cao năng lực quản lý các mạng viễn thông, truyền hình, internet

Xây dựng, tổ chức triển khai Chiến lược, Kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin của tỉnh. Đẩy mạnh triển khai Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020 và các chương trình, dự án liên quan.

Ưu tiên nguồn lực, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020.

Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong các chương trình, đề án hiện đại hoá Quân đội và Công an. Chú trọng ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự theo hướng tự động hoá. Ưu tiên ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong các hệ thống thông tin chỉ huy, điều hành, quản lý của Quân đội; trong các đề án hiện đại hóa toàn diện các lực lượng Công an nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc và đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Kiên toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin từ tỉnh đến huyện, trong đó chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin. Các Sở, ngành, địa phương cử Lãnh đạo phụ trách về an toàn, an ninh thông tin.

Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh, làm chủ không gian mạng, sẵn sàng đối phó với các cuộc tấn công mạng, chiến tranh thông tin.

Xây dựng quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin hệ thống các cơ quan Nhà nước.

Xây dựng đề án nâng cao tiềm lực về công nghệ, cơ sở vật chất và nhân lực về an toàn, an ninh thông tin theo hướng:

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ chuyên trách về an toàn, an ninh thông tin;
- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống thẩm định về an toàn thông tin;
- Xây dựng hệ thống phòng, chống và ứng cứu các sự cố về an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan nhà nước;
- Xây dựng, tổ chức triển khai, Kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn thông tin giai đoạn 2015 - 2020.

k) Hợp tác và hội nhập về công nghệ thông tin

- Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin của Chính phủ, bộ, ngành, các viện nghiên cứu để đề xuất triển khai các hợp phần công việc phù hợp trên địa bàn tỉnh; chủ động xây dựng các chương trình, dự án công nghệ thông tin để đề xuất tài trợ, hỗ trợ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế của Trung ương;
- Chủ động tham gia các chương trình hợp tác về công nghệ thông tin với các tỉnh lân cận, và các địa phương phát triển mạnh về công nghệ thông tin như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng...; tổ chức học tập kinh nghiệm, kết nối chia sẻ thông tin công nghệ thông tin với các tỉnh thành khác;
- Có cơ chế, chính sách thu hút các nhà làm công nghệ thông tin, chuyên gia trình độ cao, các đơn vị công nghệ thông tin có uy tín trong nước tham gia, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công nghệ thông tin của tỉnh.

3. Giải pháp tổ chức

Kiến toàn Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin tỉnh do người đứng đầu cơ quan làm Trưởng ban. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, phương thức chỉ đạo của Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin. Người đứng đầu các cấp, các ngành chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.

Hoàn thiện cơ cấu bộ máy cán bộ công chức chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước tạo động lực, nâng cao vai trò, trách nhiệm nguồn nhân lực công nghệ thông tin góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh.

4. Giải pháp môi trường pháp lý

Cụ thể hóa các văn bản của Chính Phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh gồm:

- Chuẩn hóa quy trình tác nghiệp tại các cơ quan. Chuẩn hóa các quy trình, tiêu chuẩn chuyên ngành, quy định về tạo nguồn thông tin, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị được thuận lợi và an toàn;
- Quy định quản lý các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh;

Tạo các cơ chế để thu hút đầu tư và phát triển thị trường công nghệ thông tin:

- Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ thông tin, đặc biệt chú ý đến việc khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin được tạo ra trong tỉnh, trong nước. Tạo hành lang pháp lý để hình thành các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến mô hình Chính quyền điện tử;

- Xây dựng các chính sách ưu tiên sử dụng các sản phẩm công nghệ thông tin sản xuất trong nước, có thương hiệu Việt Nam trong các công trình, hệ thống thông tin của Nhà nước.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm 2016

- Xác định danh mục các dự án và hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư;
- Triển khai Hội nghị truyền hình trực tuyến;
- Triển khai nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ công chức chuyên trách về công nghệ thông tin;
- Xây dựng các phần mềm ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến và mua sắm một số trang thiết bị cần thiết để triển khai ban đầu các phần mềm ứng dụng;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành một Trung tâm phần mềm phục vụ cho tỉnh.

2. Năm 2017-2018

- Triển khai các dự án Đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ công chức, truyền thông và tập huấn về chính quyền điện tử cho người dân và doanh nghiệp;
- Đầu tư trang bị hạ tầng công nghệ thông tin cấp tỉnh; tiếp tục xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; trang bị lớp các phần mềm nền tảng của chính quyền điện tử theo định hướng tập trung và kiến trúc hướng dịch vụ và các nhiệm vụ khác đảm bảo đưa các dịch vụ hành chính công đi vào hoạt động;
- Xây dựng và triển khai các phần mềm ứng dụng và dịch vụ công thuộc nhóm ưu tiên 2 của mô hình chính quyền điện tử và các dự án đầu tư khác;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành một Trung tâm phần mềm phục vụ cho tỉnh;
- Hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư cho các dự án triển khai năm 2019-2020.

3. Năm 2019-2020

- Tiếp tục triển khai các dự án Đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ công chức, truyền thông và tập huấn về Chính quyền điện tử cho người dân và doanh nghiệp;
- Đầu tư Trung tâm hỗ trợ hệ thống Chính quyền điện tử;
- Hoàn thành các nội dung đã đầu tư từ năm 2017-2018;
- Xây dựng và triển khai các phần mềm ứng dụng và dịch vụ công thuộc nhóm ưu tiên 3 của mô hình chính quyền điện tử;
- Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện ở giai đoạn 2016-2020, nghiên cứu đề xuất phương án triển khai các dịch vụ hành chính công ở các địa phương trên

địa bàn tỉnh để phát huy hiệu quả của Dự án nhằm mở rộng khả năng cung cấp các dịch vụ hành chính công đến người dân và doanh nghiệp.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến tổng kinh phí triển khai Kế hoạch: 58.350 triệu đồng (*Năm mươi tám tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng*). Cụ thể :

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí dự kiến
	Đầu tư hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin	24.200
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan Nhà nước	16.900
	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp	5.700
	An toàn an ninh thông tin	9.750
	Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin	1.200
	Xây dựng Đề cương kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh	600
	Tổng cộng	58.350

Bảng chữ: Năm mươi tám tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng.

Kinh phí nêu trên được xem xét, phê duyệt cụ thể khi triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tế.

VIII. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ

(Danh mục dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước giai đoạn 2016-2020 tại Phụ lục IV)

IX. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

Kế hoạch “Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020” sẽ xác định lộ trình thống nhất, đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước; hiện đại hóa, tăng chất lượng hiệu quả công việc của các cơ quan nhà nước; đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính và mang lại lợi ích cho tất cả các đối tượng tham gia:

1. Đối với người dân

Người dân sẽ được sử dụng các dịch vụ của chính quyền một cách dễ dàng và tiết kiệm thời gian. Ngoài ra, người dân có thể giám sát và kiểm tra các hoạt động của cơ quan nhà nước.

Nâng cao chất lượng cuộc sống cho các cộng đồng dân cư, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa: Công nghệ thông tin – truyền thông giúp cho chính quyền có

thể vươn tới các nhóm/cộng đồng thiểu số và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại đó. Điều này cũng đồng nghĩa với việc trao thêm quyền cho người dân bằng cách cho họ tham gia vào các hoạt động chính trị cũng như cung cấp tối đa các dịch vụ và hàng hoá dụng cụ thiết yếu.

2. Đối với doanh nghiệp và Nhà đầu tư

Doanh nghiệp và Nhà đầu tư sẽ được hưởng một môi trường kinh doanh tốt hơn. Việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong chính quyền và việc xây dựng cơ sở hạ tầng chính quyền điện tử sẽ giúp tạo ra một môi trường thúc đẩy kinh doanh thông qua việc cải thiện môi tác động qua lại và tương tác giữa chính quyền và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bằng việc giảm bớt các khâu rườm rà trong thủ tục và chú trọng đến việc cung cấp các dịch vụ nhanh chóng và hiệu quả, chính quyền điện tử có thể tạo ra các điều kiện thu đầu tư nhiều hơn.

Doanh nghiệp và các Nhà đầu tư sẽ làm việc với chính quyền một cách dễ dàng hơn bởi mọi thủ tục đều rõ ràng và các chậm trễ trong quy trình được phát hiện và xử lý thích hợp.

3. Đối với Chính quyền

Nâng cao tính minh bạch và tin cậy của chính quyền thông qua việc đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông trong quản lý và điều hành cũng như mở ra các cơ hội mới cho người dân được chủ động trong quá trình tham gia vào việc hoạch định chính sách, cũng như hoạt động chỉ đạo điều hành của chính quyền. Cơ quan nhà nước sẽ nhận được đầy đủ mọi thông tin kinh tế, xã hội giúp cho các hoạt động của mình hiệu quả hơn.

Bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông, các cơ quan nhà nước sẽ nâng cao năng suất và tính hiệu quả của cán bộ, công chức; đơn giản hóa hoạt động của chính quyền, làm giảm tệ nạn tham nhũng, quan liêu; tiết kiệm được nhiều chi phí, thời gian trong xử lý công việc và tương tác.

4. Đối với xã hội

Cuối cùng, chính quyền điện tử cải tiến môi tác động qua lại giữa 4 chủ thể chính của xã hội là chính quyền, công chức, người dân và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy tiến trình chính trị, xã hội và kinh tế của tỉnh.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban quản lý dự án;

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao, rà soát lại các dự án đã đầu tư và nhu cầu nhiệm vụ để xác định lộ trình cụ thể trong việc triển khai các dự án thành phần đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện Kế hoạch hằng năm và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chịu trách nhiệm giúp Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc các đơn vị trong công tác triển khai thực hiện Dự án.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ để đáp ứng khả năng quản trị, vận hành và sử dụng có hiệu của hệ thống. Đảm bảo biên chế cho các đơn vị, địa phương để hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành, địa phương hoàn thiện cơ sở vật chất, bộ máy nhân sự, xây dựng các quy trình tác nghiệp để thực hiện các giao dịch và giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng quy định hiện hành;

- Là đầu mối phối hợp với các ngành và địa phương xây dựng các chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin;

- Chủ trì thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án thành phần.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ đề ra;

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Kế hoạch;

- Tham gia các dự án chuyên ngành công nghệ thông tin liên quan đến Sở Tài chính.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Kế hoạch đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại;

- Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham gia thực hiện các dự án công nghệ thông tin liên quan đến khoa học và công nghệ;

- Tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan nòng cốt trong ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh, xây dựng các phần mềm có giá trị, góp phần đào tạo nhân lực công nghệ thông tin cho tỉnh.

7. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh, kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;

- Nghiên cứu đề xuất và triển khai Cổng thông tin thương mại điện tử của Ninh Thuận;

- Xây dựng và triển khai chương trình tạo thị trường và thương hiệu cho sản phẩm công nghệ thông tin của tỉnh Ninh Thuận, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin tham gia thị trường;

- Chuẩn bị các điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài hay trong nước để phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trong các Khu công nghiệp của tỉnh.

8. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý;

- Căn cứ vào Kế hoạch này xây dựng kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch đầu tư và triển khai thực hiện hàng năm về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cho đơn vị mình;

- Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị khác chủ trì, thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin được phân công;

- Đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ.

9. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Cần xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với Kế hoạch, với định hướng phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, vừa bảo đảm mục tiêu kinh doanh của đơn vị, vừa góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển công nghệ thông tin nói riêng. Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về Cục Thống kê và Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý, theo dõi, tổng hợp.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

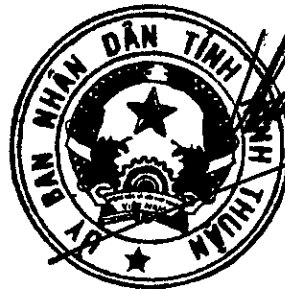
Tích cực tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020. Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

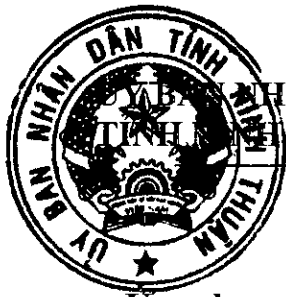
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh Lê Văn Bình;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thành viên BCĐ CNTT tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (L.T.Dũng);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT của tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT, HT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Bình



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

Phụ lục I

Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Kế hoạch số 496/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đơn vị	Tên ứng dụng
1	Sở Tư Pháp	Trang thông tin điện tử Sở TP
		Phần mềm thông tin ngăn chặn lĩnh vực công chứng
		Phần mềm quản lý văn bản
2	Sở Giao thông Vận tải	Trang thông tin điện tử Sở GTVT
		Phần mềm quản lý văn bản Sở GTVT
		Phần mềm quản lý GPLX
3	Sở Khoa học và Công nghệ	Dịch vụ công mức độ 3
		Phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp
		Trang thông tin điện tử Sở KH&CN
		PM quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	PM quản lý văn bản
		CSDL hệ thống thông tin ngành nông nghiệp
		Trang tin điện tử thành phần
6	Thanh Tra tỉnh	Quản lý hồ sơ công văn
		Hệ thống thông tin khiếu nại
		Trang thông tin điện tử
7	Sở Nội Vụ	Phần mềm Quản lý văn bản
		Phần mềm quản lý hồ sơ
		Trang thông tin điện tử
		Phần mềm lưu trữ
8	Sở Xây Dựng	Quản lý văn bản
		Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng
		PM Kế toán HCSN
9	Ban Quản lý khu công nghiệp	Trang thông tin điện tử
		Phần mềm quản lý văn bản
10	Ban Dân Tộc	Trang thông tin điện tử
11	Sở Văn Hóa - Thể Thao và Du Lịch	Phần mềm quản lý văn bản
		Trang thông tin điện tử
		Dịch vụ công mức độ 3
12	Sở Y Tế	Phần mềm quản lý văn bản hồ sơ công việc
		Trang thông tin điện tử
13	Sở Giáo dục và đào tạo	Phần mềm quản lý văn bản
		Trang thông tin điện tử

STT	Đơn vị	Tên ứng dụng
		PM thống kê ngành
		CSDL ngành
14	Sở Công Thương	Trang thông tin điện tử
		Phần mềm quản lý văn bản
15	Sở Kế hoạch và đầu tư	Phần mềm quản lý văn bản
		Phần mềm đăng ký kinh doanh
		Trang thông tin điện tử
		CSDL kinh tế xã hội
16	VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	Phần mềm quản lý văn bản
		Trang thông tin điện tử
17	Sở Tài Chính	Quản lý ngân sách nhà nước
		Cấp Mã số đơn vị sử dụng NSNN
		Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc Tabmis
		Chương trình ĐKTS 1.0
		Tổng hợp Ngân sách xã
		Kế toán Hành chính sự nghiệp
		PM chuyên nhận văn bản
		Trang thông tin điện tử Sở
		Chương trình quản lý tài sản công
		Chương trình Tích hợp CSDL
18	Sở Tài Nguyên và Môi trường	PM một cửa điện tử
		Quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
		Danh mục hồ sơ lưu trữ (giai đoạn 2)
		PM quản lý văn bản
		Trang thông tin điện tử tích hợp trên Cổng
		Dịch vụ công mức độ 3
19	Văn phòng phát triển kinh tế (EDO)	Quản lý văn bản điều hành
		Trang thông tin điện tử
		Phần mềm một cửa
		CSDL quản lý các dự án đầu tư
20	Văn phòng UBND tỉnh	Phần mềm quản lý văn bản
		Văn bản chỉ đạo điều hành
		Công báo điện tử
21	Công An tỉnh	Dịch vụ công mức độ 3 về quản lý thông báo lưu trú trực tuyến
		Trang thông tin điện tử
22	Sở Thông tin và Truyền thông	PM quản lý văn bản
		Trang thông tin điện tử
		Phần mềm quản lý các trạm BTS
		Dịch vụ công mức độ 3
23	Trung tâm CNTT và TT	Phần mềm quản lý văn bản
		Cổng thông tin điện tử
		Hệ thống mail của tỉnh
		Phần mềm quản lý văn bản cho cấp huyện, cấp xã



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

Phụ lục II

Hiện trạng nguồn nhân lực công nghệ thông tin các cơ quan nhà nước
(Kèm theo Kế hoạch số 4967/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên đơn vị	Trình độ nhân lực CNTT						Nhu cầu đào tạo
		Tổng số CBCCC	Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp/KTV	Số cán bộ QTM	
1	Sở Tư pháp	66	-	1	-	-	1	2 KTV
2	Sở Khoa học và Công nghệ	67	-	2	-	1	2	-
3	Sở Nội vụ	61	-	2	2	-	1	-
4	Sở Lao động Thương binh và XH	52	-	2	-	-	-	2 ĐH, 1 KTV
5	Sở Thông tin và Truyền thông	32	1	6	-	-	2	-
6	Sở Tài chính	48	-	1	-	2	1	1 ĐH
7	Ban Dân tộc	16	-	-	3	2	1	1 CD
8	Sở Giao thông Vận tải	28	-	2	-	2	1	2 ĐH
9	Thanh tra tỉnh	31	-	1	-	-	1	-
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	61	-	5	-	2	1	3 trên ĐH, 4 ĐH, 2 TC
11	Sở Y Tế	36	-	1	2	-	1	1 ĐH, 2 KTV
12	Sở Xây dựng	43	-	1	-	-	1	-
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	52	-	1	-	-	1	-
14	Sở Công Thương	36	-	1	-	-	1	-
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	47	-	2	-	1	1	-
16	Sở Nông nghiệp và PTNT	46	-	-	2	-	1	-
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	38	-	3	6	1	2	3
18	UBND thành phố PRTC	167	-	1	2	-	1	-
19	UBND huyện Thuận Nam	125	-	2	-	1	1	-
20	UBND huyện Thuận Bắc	158	-	1	3	-	1	-
21	UBND huyện Ninh Phước	135	-	1	-	1	1	-
22	UBND huyện Ninh Sơn	145	-	1	1	1	-	-
23	UBND huyện Ninh Hải	282	-	-	1	-	1	20 ĐH
24	UBND huyện Bác Ái	112	-	3	2	-	1	1 ĐH
	Tổng cộng	1.759	1	40	24	14	26	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Phụ lục III

Bảng tổng hợp các dự án ứng dụng công nghệ thông tin chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2015

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên chương trình	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Kinh phí
1	Xây dựng Trang thông tin điện tử thành phần các Sở, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	2011	306.000.000
2	Xây dựng hệ thống an ninh, bảo mật công thông tin điện tử tỉnh và hệ thống mail	Văn phòng UBND tỉnh	2011	120.000.000
3	Mua máy chủ triển khai phần mềm Hệ thống quản lý và hồ sơ công việc	UBND huyện Thuận Nam	2011	50.000.000
4	Xây dựng phần mềm Quản lý văn thư cho các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận	Sở Thông tin và Truyền thông	2012	985.000.000
5	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hoàn thiện hệ thống mạng LAN	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh,	2012	1.100.000.000
6	Nâng cấp hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	2013	1.000.000.000
7	Triển khai văn phòng điện tử cho các huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2013	100.000.000
8	Xây dựng dịch vụ công mức độ 3	Sở Thông tin và Truyền thông	2013	300.000.000
9	Nâng cấp công thông tin điện tử và hệ thống mail	Sở Thông tin và Truyền thông	2013	300.000.000
10	Mua máy chủ, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công việc	Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động- Thương binh và xã hội, Thanh tra tỉnh, Văn phòng Phát triển kinh tế	2013	350.000.000
11	Xây dựng trang thông tin điện tử	Tỉnh đoàn	2013	100.000.000
12	Xây dựng hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý các dự án đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2014	250.000.000
13	Xây dựng Trang thông tin điện tử	Ban Dân tộc, Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND	2014	60.000.000
14	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công việc	Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2014	320.000.000
15	Triển khai phần mềm văn phòng điện tử cho các phòng tài nguyên và môi trường của các huyện và thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	2014	30.000.000
16	Nâng cấp hệ thống tích hợp tại Trung tâm CNTT và TT giai đoạn 2	Sở Thông tin và Truyền thông	2014	1.200.000.000
17	Triển khai phần mềm Văn phòng điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	2014	100.000.000

STT	Tên chương trình	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Kinh phí
	cho các xã, phường, thị trấn			
18	Đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT cho CBCC chuyên trách CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	2014	400.000.000
19	Xây dựng Trang thông tin điện tử thành phần cho 04 đơn vị (Sở Giao thông Vận tải, Sở Lao động thương binh và Xã hội, UBND huyện Ninh Hải, UBND huyện Ninh Phước)	Sở Thông tin và Truyền thông	2014	120.000.000
20	Mở rộng phần mềm một cửa từ EDO đến các đơn vị liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông	2014	150.000.000
21	Xây dựng dịch vụ công mức 3 cho các huyện, thành phố và nâng cấp 01 dịch vụ công mức 3 lên mức độ 4	Sở Thông tin và Truyền thông	2014	270.000.000
22	Nâng cấp hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin	UBND huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Bắc, Bác Ái, Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm,	2014	400.000.000
23	Nâng cấp hạ tầng CNTT	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, UBND Ninh Sơn, Sở Tư Pháp, Sở Giao thông Vận tải, Văn phòng UBND tỉnh	2015	574.040.000
24	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý phục vụ đối tượng chính sách	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2015	291.801.000
25	Xây dựng phần mềm quản lý thông tin cấp phép xây dựng	Sở Xây dựng	2015	291.801.000
26	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2015	299.971.000
27	Xây dựng phần mềm quản lý hệ thống thông tin ngành giao thông vận tải	Sở Giao thông Vận tải	2015	291.801.000
28	Xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp dữ liệu ngành tài nguyên môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2015	262.000.000
29	Xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp dữ liệu ngành Y tế	Sở Y tế	2015	299.199.110
30	Phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	2015	291.801.000
31	Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho Sở Y tế, UBND huyện Thuận Nam và huyện Ninh Hải	Sở Thông tin và Truyền thông	2015	395.303.124
32	Thiết kế kỹ thuật, đầu tư mạng LAN máy tính tại các phường trên thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	Sở Thông tin và Truyền thông	2015	220.225.500
33	Kinh phí đầu tư tủ đĩa dữ liệu cho Trung tâm tích hợp dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	2015	200.000.000
34	Kinh phí triển khai phần mềm Văn phòng điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	2015	350.000.000
35	Kinh phí đào tạo CNTT chuyên sâu cho CBCC chuyên trách CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	2015	200.000.000
36	Kinh phí tuyên truyền Nghị quyết 36-NQ/TW và dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	2015	150.000.000
37	Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	2015	50.000.000
38	Xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống một cửa hiện đại tại Văn phòng Phát triển kinh tế	Văn phòng Phát triển Kinh tế	2015	291.801.000
Tổng cộng				12.170.743.734



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUAN**

Phụ lục IV

Đanh mục dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2017-2020

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI GIAN	KINH PHÍ				
				Tổng cộng	2017	2018	2019	2020
TỔNG CỘNG				58.350	14.750	20.900	16.700	6.000
I	Đầu tư hạ tầng thiết bị CNTT			24.200	6.000	10.000	6.900	1.300
1	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	2017-2019	10.000	1.000	6.000	3.000	-
2	Triển khai nâng cấp mở rộng mạng diện rộng của tỉnh và mạng cục bộ tại một số đơn vị quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2017-2019	3.900	2.000	1.000	900	-
3	Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng mạng LAN (mạng, thiết bị CNTT, quản trị...) ở UBND phường, xã, thị trấn.	Sở Thông tin và Truyền thông	2017-2020	3.500	1.000	1.000	1.000	500
4	Trang bị máy chủ cho CQĐT, bổ sung máy trạm, máy in cho một số cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh	các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND thành phố, huyện	2017-2020	6.800	2.000	2.000	2.000	800
II	Ứng dụng CNTT trong nội bộ CQNN			16.900	5.200	5.100	4.600	2.000
1	Xây dựng hệ thống ISO điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	2017	600	600	-	-	-
2	Trang bị lớp các phần mềm nền tảng của chính quyền điện tử theo định hướng tập trung và kiến trúc hướng dịch vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	2017-2020	7.500	2.000	2.000	2.000	1.500
3	Phát triển, triển khai nhân rộng phần mềm số hóa đèn các cơ quan đơn vị	Sở Nội vụ	2017-2019	2.000	500	800	700	-
4	Hệ thống thông tin và CSDL một cửa	Sở Nội vụ	2018	400	-	400	-	-
5	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý điều hành cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2018	400	-	400	-	-
6	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý cấp phép các hoạt động du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2017	500	500	-	-	-
7	Hệ thống thông tin và CSDL Quản	Sở Y tế	2018	500	-	500	-	-

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI GIAN	KINH PHÍ				
				Tổng cộng	2017	2018	2019	2020
	lý cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm							
8	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược	Sở Y tế	2018	500		500	-	-
9	Hệ thống thông tin phục vụ các đại biểu và các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	2017	800	800	-	-	-
10	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý Nông thôn mới	Sở NN&PTNT	2018	500	-	500	-	-
11	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý Khiếu nại tố cáo	Thanh tra tỉnh	2017	500	500	-	-	-
12	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý cấp phép các hoạt động truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2017	300	300	-	-	-
13	Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý hoạt động công chứng.	Sở Tư pháp	2019	300	-	-	300	-
14	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2019	500	-	-	500	-
15	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2019	300	-	-	300	-
16	Xây dựng Hệ thống thông tin tổng hợp quản lý hoạt động của các Khu CN tỉnh	Ban Quản lý KCN tỉnh	2019	500	-	-	500	-
17	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý hành chính cấp Xã	Sở Thông tin và Truyền thông	2020	500	-	-	-	500
18	Hệ thống thông tin và CSDL quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo	2019	300	-	-	300	-
III	Xây dựng Đề cương kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2017	600	600	-	-	-
IV	An toàn an ninh thông tin			9.750	250	4.000	4.000	1.500
1	Triển khai ứng dụng chữ ký số tích hợp vào phần mềm Văn phòng điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	2017	250	250	-	-	-
2	Đầu tư thiết bị, phần mềm bảo vệ hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu, phòng chống tấn công mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	2018-2020	9.500	-	4.000	4.000	1.500
V	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp			5.700	2.100	1.200	1.200	1.200
1	Nâng cấp, duy trì Cổng Thông tin điện tử tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	2017-2020	700	100	200	200	200

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI GIAN	KINH PHÍ				
				Tổng cộng	2017	2018	2019	2020
		thông						
2	Xây dựng và triển khai các phần mềm ứng dụng và dịch vụ công của mô hình chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp (triển khai 1000 dịch vụ công mức độ 3 trong 6 năm)	các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND thành phố, huyện	2017-2020	5.000	2.000	1.000	1.000	1.000
VI	Đào tạo nguồn nhân lực CNTT			1.200	600	600	-	-
1	Đào tạo chuyên sâu CNTT cho CBCC chuyên trách CNTT các Sở Ban Ngành, UBND huyện, thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông	2017-2018	600	300	300	-	-
2	Nâng cao năng lực quản lý CNTT cho cán bộ lãnh đạo các Sở Ban Ngành, huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông	2018	200	-	200	-	-
3	Đào tạo phổ cập kỹ năng sử dụng CNTT cho CBCC.	Sở Nội vụ	2017-2018	400	300	100	-	-